

CƠ SỞ PHÁP LÝ CHO VIỆC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TS Lê Xuân Định
Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Nêu rõ nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trong công tác thống kê KH&CN ở Việt Nam hiện nay. Giới thiệu chi tiết cơ sở pháp lý cho triển khai công tác này, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật về: các bảng phân loại thống kê KH&CN, hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và cơ sở về KH&CN, và chương trình điều tra thống kê về KH&CN. Giới thiệu cơ cấu tổ chức của công tác thống kê ngành KH&CN.

1. Hiện trạng công tác thống kê KH&CN

Thống kê KH&CN là việc vô cùng quan trọng nên được tất cả các quốc gia phát triển, đang phát triển cũng như các tổ chức quốc tế quan tâm. Hầu hết các nước phát triển, và một số nước ASEAN, hàng năm đều xuất bản sách trắng/các chỉ tiêu cơ bản về KH&CN. Mới đây, việc Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc quyết định chọn 20 tháng 10 hằng năm làm Ngày Thống kê Thế giới đã khẳng định tầm quan trọng của công tác thống kê đối với quá trình phát triển của các quốc gia nói chung và của từng ngành, từng lĩnh vực nói riêng [17].

Ở Việt Nam, ngoài hệ thống thống kê tập trung, việc xây dựng hệ thống thống kê chuyên ngành KH&CN đã được xác định là nhiệm vụ cấp thiết. Nghị định 30/2006/NĐ-CP của Chính phủ về thống kê KH&CN đã được ban hành. Do vậy, tăng cường công tác thống kê KH&CN hiện là một trong những nhiệm vụ cấp thiết không chỉ cho ngành KH&CN mà còn cho tất cả các cấp, các ngành. Hiện nay, công tác thống kê KH&CN hầu như

mới bắt đầu được phát triển, vì vậy phải nỗ lực lớn về mọi mặt: xây dựng cơ chế, vận động nguồn lực, tổ chức thực hiện và kiểm tra hiệu quả.

1.1. Những hạn chế trong công tác thống kê KH&CN hiện nay

Hệ thống các chỉ tiêu thống kê luôn được coi là xương sống của công tác thống kê. Thế nhưng, các chỉ tiêu thống kê KH&CN chỉ mới được ban hành, chưa được ứng dụng vào thực tế, vì vậy chưa có cơ sở để điều chỉnh và cập nhật. Chưa kể đến một số lĩnh vực (như đổi mới sáng tạo) cần được bổ sung chỉ tiêu thống kê [3,8,13,18].

Các chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia hiện nay còn nhiều vướng mắc cả về nội dung lẫn việc triển khai thực hiện (ví dụ: không thể tính số đề tài đã đưa vào ứng dụng, không cấp bằng bảo hộ cho phát minh nên không thể thống kê con số này). Bên cạnh đó, thời gian qua Bộ KH&CN cũng chưa tổ chức thu thập và cung cấp số liệu về các chỉ tiêu này cho Tổng cục Thống kê để xử lý, tổng hợp vào danh mục hệ thống các chỉ tiêu quốc gia [1, 4,15].

Nghiên cứu - Trao đổi

Chất lượng, hiệu quả của thông tin thống kê KH&CN còn hạn chế, chưa phục vụ một cách thiết thực cho hoạt động quản lý của ngành KH&CN cũng như cho quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Thông tin về các chỉ tiêu thống kê về cơ bản còn sơ sài. Các báo cáo cung cấp thông tin thống kê còn thiếu toàn diện, mới ở mức điền bảng biểu số liệu thống kê mà chưa có phân phân tích. Số liệu thống kê trong một số báo cáo chưa chính xác, số liệu giữa các bảng biểu thống kê trong kỳ báo cáo hoặc giữa các kỳ báo cáo không thống nhất với nhau còn xảy ra ở khá nhiều đơn vị. Do vậy, việc sử dụng các kết quả phân tích từ hoạt động thống kê làm cơ sở cho những luận điểm, đánh giá, nhận định trong các báo cáo của ngành KH&CN còn rất hạn chế. Hiệu quả ứng dụng kết quả thống kê để đánh giá một cách xác thực, toàn diện mức độ kết quả thực hiện nhiệm vụ trong từng lĩnh vực, và từ đó, làm cơ sở điều chỉnh các giải pháp, hoạch định chính sách, kế hoạch, tổ chức triển khai công việc trong phạm vi toàn Ngành còn hạn chế [4,10].

Việc thu thập, xử lý thông tin thống kê chưa được tổ chức một cách bài bản. Hình thức thu thập thông tin thống kê trong ngành KH&CN hiện còn rất đơn giản, thiếu đa dạng: toàn Ngành hiện vẫn chỉ thu thập thông tin thống kê thông qua báo cáo công tác (không phải là báo cáo thống kê). Các hình thức thu thập thông tin thống kê chính thống là báo cáo thống kê và điều tra thống kê vẫn chưa được áp dụng. Việc xử lý và tổng hợp thông tin thống kê cũng mới được thể hiện bằng những phương pháp phổ biến, đơn giản [2,4,5].

Tổ chức bộ máy thực hiện quản lý thống kê và trực tiếp thực hiện công tác thống kê ngành KH&CN, về cơ bản, mới được thiết lập ở cấp Trung ương, chưa có ở cấp tỉnh/thành phố; hệ thống chân rết làm thống kê KH&CN ở các địa phương chưa được hình thành; cán bộ làm công tác thống kê KH&CN đa số là kiêm nhiệm, còn thiếu về số lượng và yếu về nghiệp vụ; chính sách đãi ngộ cho cán bộ làm công tác thống kê chưa được áp dụng.

1.2. Nguyên nhân của sự yếu kém

- Hệ thống tổ chức thống kê KH&CN từ Trung ương đến địa phương chưa được hình thành. Các hoạt động thống kê KH&CN chưa được triển khai một cách hệ thống và bài bản theo hai hình thức thu thập số liệu chủ yếu: báo cáo thống kê và điều tra thống kê.

- Các quy định hiện hành về thống kê KH&CN còn nhiều hạn chế: thiếu các văn bản quy phạm pháp luật chung quy định thống nhất và hướng dẫn cụ thể về công tác thống kê ngành KH&CN (bao gồm quy định về tổ chức, nhân lực, nhiệm vụ thường xuyên, kinh phí hoạt động, quan hệ về nghiệp vụ và quản lý nhà nước) nên việc hoạch định nhiệm vụ, tổ chức, kinh phí cho hoạt động thống kê KH&CN cả ở Trung ương và địa phương đều rất lúng túng.

- Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của công tác thống kê KH&CN và cơ chế kiểm tra việc thực hiện trong Ngành nhìn chung còn rất hạn chế.

- Các quy định của Luật Thống kê, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản liên quan đến công tác thống kê ngành KH&CN chưa được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi tới các tổ chức KH&CN như viện nghiên cứu, trường đại học cũng

Nghiên cứu - Trao đổi

như các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN như các Sở KH&CN,....

- Nhân sự cho công tác thống kê KH&CN còn nhiều vướng mắc, về cơ bản, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên nghiệp hóa cán bộ làm công tác thống kê Ngành.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thống kê còn hạn chế, phần mềm thống kê chuyên ngành KH&CN hiện chưa có.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác thống kê KH&CN chưa được đảm bảo.

- Chưa chủ động hội nhập quốc tế về thống kê KH&CN.

Hiện nay, Bộ KH&CN đã ban hành một số văn bản làm cơ sở pháp lý cho công tác thống kê KH&CN như chỉ tiêu thống kê KH&CN, bảng phân loại thống kê KH&CN, chế độ báo cáo thống kê cơ sở và tổng hợp về KH&CN, quy định về các cuộc điều tra KH&CN ngoài Chương trình điều tra quốc gia. Tuy nhiên, hệ thống các chỉ tiêu thống kê KH&CN mới chỉ được ban hành mà chưa được thu thập và xử lý một cách bài bản và đầy đủ, chế độ báo cáo thống kê và điều tra thống kê chưa được thực hiện. Chất lượng thông tin thống kê KH&CN còn hạn chế, chưa phục vụ một cách thiết thực, hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của ngành KH&CN nói riêng và quá trình phát triển kinh tế-xã hội nói chung. Việc hoạch định nhiệm vụ, tổ chức, kinh phí cho công tác thống kê KH&CN cả ở Trung ương và địa phương còn rất lúng túng [3,10].

2. Cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác thống kê KH&CN

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thống kê KH&CN đã bước đầu được xây dựng và đang dần hoàn thiện. Hoạt động thống kê KH&CN đã được đề cập trong Điều 51 Luật KH&CN năm 2000: *“Hệ thống tiêu chí thống kê khoa học và công nghệ được quy định thống nhất trong cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê khoa học và công nghệ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền theo sự phân cấp của Chính phủ”*. Luật Thống kê được Quốc hội thông qua và Chủ tịch nước ký lệnh ban hành năm 2003 (Lệnh số 13/2003/L/CTN ngày 26/6/2003) là một văn bản quy phạm pháp luật quan trọng cho lĩnh vực thống kê, trong đó có thống kê KH&CN.

Điều 49 Luật KH&CN đã quy định rõ: *“Tổ chức, chỉ đạo công tác thống kê, thông tin khoa học và công nghệ”* là một trong những nội dung quản lý nhà nước của Bộ KH&CN.

Hoạt động thống kê KH&CN cũng được đề cập đến trong một số luật chuyên ngành về KH&CN. Luật Chuyển giao Công nghệ (Điều 50. Thống kê chuyển giao công nghệ) quy định: *“Hàng năm, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường đại học, trường cao đẳng và các cơ sở đào tạo khác có trách nhiệm báo cáo thống kê chuyển giao công nghệ của mình với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ”*.

Nghiên cứu - Trao đổi

Nghị định 28/2008/NĐ-CP (Nghị định 28) ban hành ngày 14/3/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN đã nêu rõ nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin KH&CN của Bộ KH&CN.

Đặc biệt, ngày 29/3/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN quy định việc cung cấp, thu thập, xử lý, công bố và sử dụng thông tin thống kê KH&CN, phát triển công tác thống kê KH&CN trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là Nghị định có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển công tác thống kê KH&CN, xác định cụ thể hơn vai trò và trách nhiệm của Bộ KH&CN trong lĩnh vực này. Theo đó, đối tượng áp dụng của Nghị định này gồm: cơ quan nhà nước các cấp; đơn vị sự nghiệp; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp; doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở kinh doanh cá thể, hộ gia đình, cá nhân; tổ chức khác của Việt Nam ở trong và ngoài nước; tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động KH&CN trên lãnh thổ Việt Nam. Chỉ tiêu thống kê KH&CN được áp dụng thống nhất trong cả nước và bao gồm các nhóm chính: nhân lực KH&CN; tài chính trong hoạt động KH&CN; cơ sở hạ tầng KH&CN; năng lực đổi mới công nghệ; kết quả hoạt động KH&CN; tác động của KH&CN; các chỉ tiêu thống kê KH&CN khác [10].

Tổ chức, cá nhân là đối tượng điều tra thống kê KH&CN có quyền được thông

báo về quyết định, mục đích, yêu cầu, thời hạn của cuộc điều tra thống kê KH&CN; được bảo đảm bí mật thông tin đã cung cấp theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tổ chức, cá nhân cũng có nghĩa vụ không được từ chối hoặc cản trở việc thực hiện điều tra thống kê KH&CN của Nhà nước; cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng thời hạn theo yêu cầu của tổ chức và điều tra viên thống kê. Thông tin thống kê KH&CN phải được công bố công khai, đúng thời hạn quy định, trừ những thông tin thống kê phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin thống kê KH&CN đã công bố là thông tin thống kê có giá trị pháp lý. Việc công bố thông tin thống kê KH&CN được thực hiện dưới các hình thức: niên giám Thống kê quốc gia; niên giám Thống kê KH&CN; sách KH&CN Việt Nam; các xuất bản phẩm bằng giấy và điện tử; mạng thông tin KH&CN Việt Nam; hợp báo; các hình thức công bố khác. Tổ chức thống kê ngành KH&CN là đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, lưu giữ, phổ biến và cung cấp dịch vụ khai thác thông tin thống kê KH&CN, do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định thành lập. Bộ KH&CN xác định nhu cầu, lập dự kiến điều tra thống kê về KH&CN của kỳ kế hoạch phát triển KH&CN 5 năm và hằng năm, gửi Tổng cục Thống kê để tổng hợp vào chương trình điều tra thống kê quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 về Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (HTCTTK), và Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/8/2009 về Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp

Nghiên cứu - Trao đổi

dụng đối với Bộ, ngành và Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 28/10/2008 về Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Trong những quyết định này, những biểu mẫu báo cáo thống kê cần tổng hợp và những cuộc điều tra thống kê KH&CN quy mô quốc gia cần thực hiện dưới sự chủ trì của Bộ KH&CN đều được quy định chi tiết.

Cơ sở pháp lý để triển khai công tác thống kê KH&CN gồm:

- Nghị định 28/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN.

- Nghị định 30/2006/NĐ-CP của Chính phủ về thống kê KH&CN.

- Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/1/2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

- Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp với các Bộ, ngành.

- Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê”.

- Thông tư 05/2009/TT-BKHCN ngày 30/3/2009 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN.

- Thông tư 05/2010/TT-BKHCN ngày 02/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về KH&CN.

- Thông tư 23/2011/TT-BKHCN ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với sở KH&CN.

- Quyết định số 1757/QĐ-BKHCN ngày 27/8/2009 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về danh mục các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Quyết định số 116/QĐ-BKHCN ngày 28/1/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia.

- Chỉ thị số 3595/CT-BKHCN ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc tăng cường công tác thống kê KH&CN.

2.1. Văn bản quy phạm pháp luật về các bảng phân loại thống kê KH&CN

Hoạt động thống kê phải sử dụng một số bảng phân loại. Điều 9, Luật Thống kê năm 2003 (số 04/2003/QH11) đã quy định: “*Các bảng phân loại thống kê được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dùng làm chuẩn mực và sử dụng thống nhất trong hoạt động thống kê, bao gồm các bảng hệ thống ngành kinh tế quốc dân, phân loại hình kinh tế, danh mục đơn vị hành chính, danh mục dân tộc, danh mục đơn vị kinh tế, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, danh mục sản phẩm, hàng hoá, danh mục nghề nghiệp, danh mục giáo dục đào tạo và các bảng phân loại thống kê khác*”.

Việc xây dựng các bảng phân loại

Nghiên cứu - Trao đổi

KH&CN là nhằm tạo ra công cụ chuẩn hoá và sử dụng thống nhất trong công tác thống kê KH&CN; sắp xếp một cách thống nhất các hoạt động nghiên cứu KH&CN vào từng cấp lĩnh vực nghiên cứu, theo mục tiêu KT-XH của hoạt động KH&CN, theo dạng hoạt động. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành một số bảng phân loại như Bảng hệ thống ngành kinh tế quốc dân, danh mục đơn vị hành chính, danh mục dân tộc, danh mục giáo dục đào tạo [8, 11,16].

Khoản 3 Điều 6 Nghị định 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê đã xác định: “*Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành bảng phân loại thống kê chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách*”. Điều 5 Nghị định 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN đã nêu rõ: ngoài các bảng phân loại thống kê được quy định trong Luật Thống kê, hoạt động thống kê KH&CN sử dụng các bảng phân loại sau:

- Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN;
- Bảng phân loại mục tiêu kinh tế-xã hội của hoạt động KH&CN;
- Bảng phân chia loại hình hoạt động KH&CN, vòng đời công nghệ, dạng tổ chức KH&CN.

Nghị định cũng quy định Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng, ban hành các bảng phân loại thống kê KH&CN. Những bảng phân loại nói trên được xác định là thuộc chuyên ngành KH&CN nên do Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành.

Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành các bảng phân loại thống kê KH&CN sau: Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN; Bảng phân loại mục tiêu kinh tế-xã hội của hoạt động KH&CN; Bảng phân loại dạng hoạt động KH&CN.

Bảng phân loại lĩnh vực KH&CN có cấu trúc ba lớp (OECD chia thành hai lớp). Vấn đề nghiên cứu KH&CN được chia thành *lĩnh vực* (lớp 1). Mỗi lĩnh vực lại được chia thành các *ngành KH&CN* (lớp 2). Và mỗi ngành được chia thành các *chuyên ngành* (lớp 3). Để đảm bảo thuận tiện cho công tác thống kê, sự thống nhất giữa các bảng phân loại, để nhận biết cấp độ của mã phân loại, linh hoạt trong mở rộng, chỉnh sửa, bổ sung mà không phá vỡ cấu trúc hiện có, bảng phân loại lĩnh vực KH&CN đã sử dụng các mã bằng số [8,11].

Về cơ bản, các bảng phân loại thống kê KH&CN nói trên phù hợp với thực tiễn Việt Nam và tương hợp với những bảng phân loại thống kê quốc tế tương tự. Ngoài ra, hoạt động thống kê trong một số lĩnh vực đặc thù sử dụng những bảng phân loại riêng, tương hợp quốc tế. Trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, những bảng phân loại chuyên ngành được sử dụng như:

- Bảng phân loại sáng chế quốc tế (IPC – International Patent Classification) dành cho sáng chế;
- Bảng phân loại sản phẩm và dịch vụ NICE cho đăng ký nhãn hiệu;
- Bảng phân loại về các yếu tố hình trong nhãn hiệu hàng hoá (International Classification of the figurative elements of Marks);

Nghiên cứu - Trao đổi

- Bảng phân loại quốc tế về kiểu dáng công nghiệp (Bảng phân loại LOCARNO).

- Bảng phân loại tiêu chuẩn quốc tế (ICS – International Classification for Standards) cho lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

2.2. Văn bản quy phạm pháp luật về chỉ tiêu thống kê KH&CN

Chỉ tiêu thống kê KH&CN là một bộ phận của hệ thống chỉ tiêu thống kê nói chung. Theo Martin B. Wilk, chỉ tiêu thống kê KH&CN là: “Số liệu thống kê mà chúng đo lường những khía cạnh định lượng được của việc sáng tạo ra, phổ biến và áp dụng khoa học và công nghệ. Là những chỉ tiêu, những số liệu trên phải giúp mô tả hệ thống khoa học và công nghệ, giúp làm hiểu rõ hơn cấu trúc của nó, những tác động của chính sách và chương trình lên hệ thống và tác động của khoa học và công nghệ lên xã hội và nền kinh tế” [14].

Về mặt kỹ thuật, chỉ tiêu thống kê KH&CN là những thành phần cấu thành mà từ đó xây dựng nên Hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN được dựa trên những thông tin có được từ những đối tượng được nghiên cứu. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình KH&CN chủ yếu của đất nước phục vụ việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển KH&CN từng thời kỳ và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê về KH&CN của các tổ chức, cá nhân [4,12,18].

Nhiều văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan thống kê nói chung và thống kê KH&CN nói riêng đã quy định về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống

kê (HTCTTK) KH&CN. Điều 51 Luật KH&CN năm 2000 quy định: “*Hệ thống chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ được quy định thống nhất trong cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê khoa học và công nghệ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền theo sự phân cấp của Chính phủ*”. Điều 8 Luật Thống kê (Luật số 04/2003/QH11, thông qua tại kỳ họp thứ III, Quốc hội khoá XI) cũng quy định về HTCTTK như sau:

“1. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là căn cứ để phân công, phối hợp trong hoạt động thống kê, xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

2. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành các chỉ tiêu thống kê phục vụ yêu cầu quản lý, sử dụng thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.”

Điều 4 Nghị định 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN đã quy định: “*Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng, ban hành chi tiết Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ, các phân tổ chính, hình thức thu thập, kỳ thu thập, phương pháp tính các chỉ tiêu*”.

Nghiên cứu - Trao đổi

Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành HTCTTK quốc gia, trong đó Bộ KH&CN được giao chủ trì thu thập và tổng hợp 9 chỉ tiêu thống kê về KH&CN để báo cáo Chính phủ. Đây là một căn cứ quan trọng để Bộ KH&CN triển khai các hoạt động liên quan đến chỉ tiêu thống kê KH&CN. Ngày 02/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg về HTCTTK quốc gia (thay thế Quyết định 305/2005/QĐ-TTg), trong đó, có 11 chỉ tiêu thống kê về KH&CN.

Trên cơ sở các quy định pháp luật về thống kê nói chung và thống kê KH&CN, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BKHCN ngày 30/3/2009 quy định về chỉ tiêu thống kê KH&CN. HTCTTK ngành KH&CN phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp chỉ tiêu thống kê quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phân công cho Bộ KH&CN theo Quyết định về ban hành HTCTTK quốc gia;

- Cung cấp thông tin thống kê về các mặt quản lý nhà nước về KH&CN của Bộ KH&CN;

- Khả thi: có thể thực hiện được trong điều kiện thực tế hiện nay, phù hợp với trình độ cung cấp thông tin thống kê;

- Tuân thủ chuẩn mực thống kê, đảm bảo khả năng so sánh quốc tế;

- Không trùng lặp: hàm chứa các chỉ tiêu cần thiết nhưng không trùng lặp với chỉ tiêu do các cơ quan có thẩm quyền khác thu thập;

- Có tính mở: đáp ứng nhu cầu trước mắt nhưng có tính đến nhu cầu thông tin thống kê lâu dài trong tương lai; có khả năng mở rộng, bổ sung, chỉnh sửa khi

cần thiết.

HTCTTK ngành KH&CN bao gồm danh mục chỉ tiêu, những phân tổ chủ yếu và kỳ hạn công bố của các chỉ tiêu hoặc nhóm chỉ tiêu thống kê chủ yếu của ngành. HTCTTK ngành KH&CN bao gồm 60 chỉ tiêu/nhóm chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động KH&CN và được xếp vào 12 nhóm chỉ tiêu (Phụ lục 2).

HTCTTK ngành KH&CN khi được triển khai sẽ cung cấp chỉ tiêu thống kê KH&CN thuộc HTCTTK quốc gia, đáp ứng và tuân thủ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về thống kê KH&CN [3,4,18].

2.3. Văn bản quy phạm pháp luật về chế độ báo cáo thống kê KH&CN

Điều 18 Luật Thống kê quy định: “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê bổ sung thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách sau khi có sự thẩm định về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan Thống kê trung ương*”. Điều 15 Nghị định 40/2004/NĐ-CP ngày 13/2/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê cũng nêu rõ: “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công thực hiện và các chỉ tiêu thống kê thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách,...*”.

Quyết định 111/2008/QĐ-TTg ngày

Nghiên cứu - Trao đổi

15/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Chế độ báo cáo thống kê (BCTK) tổng hợp áp dụng cho Bộ, ngành đã quy định: “*Bộ, ngành được giao quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực nào thì sẽ ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, chế độ báo cáo thống kê cơ sở thuộc lĩnh vực đó và chịu trách nhiệm thu thập thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực đó bao gồm thông tin thống kê của đơn vị trực thuộc Bộ, ngành và thông tin thống kê của các đơn vị thuộc quyền quản lý của các Bộ, ngành và địa phương*”.

Khoản 2 Điều 7 Nghị định 30/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền ban hành chế độ BCTK cơ sở về KH&CN như sau:

“a) Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ khoa học và công nghệ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia về khoa học và công nghệ do Tổng cục Thống kê được phân công thực hiện theo quy định tại Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

b) Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở về khoa học và công nghệ để thu thập thông tin thống kê đối với những chỉ tiêu thống kê khoa học và công nghệ ngoài những chỉ tiêu thống kê về khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 2 của Điều này sau khi có sự tham khảo ý kiến về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Bộ

KH&CN và Tổng cục Thống kê thì Bộ KH&CN trình Thủ tướng quyết định”.

Chế độ BCTK cơ sở đã được ban hành theo Thông tư 05/2010/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN, và Chế độ BCTK tổng hợp về KH&CN được ban hành theo Thông tư số 23/2011/TT-BKH&CN ngày 22/9/2011 của Bộ KH&CN.

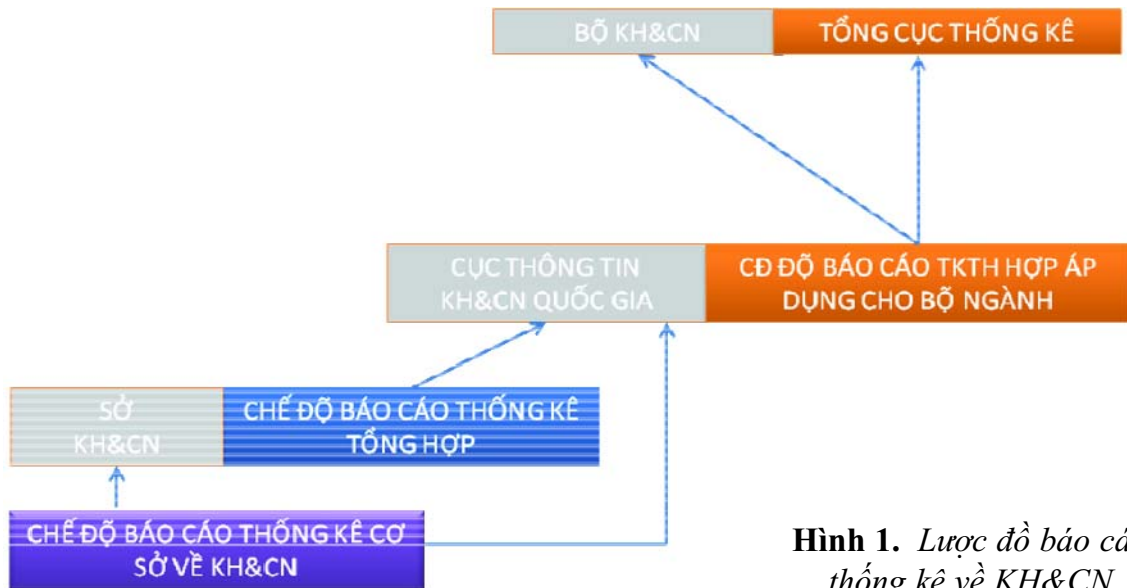
2.3.1. Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về KH&CN (Thông tư 05/2010/TT-BKH&CN ngày 02/7/2010)

Chế độ BCTK về KH&CN được sử dụng để thu thập thông tin thống kê từ đơn vị cơ sở thông qua biểu mẫu báo cáo thống nhất để cơ quan có thẩm quyền xử lý, tổng hợp, đáp ứng yêu cầu báo cáo thông tin thống kê cho Tổng cục Thống kê, dựa vào đó, xây dựng chỉ tiêu thống kê quốc gia về KH&CN và chỉ tiêu thống kê KH&CN khác, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê KH&CN phục vụ công tác điều hành và quản lý chuyên ngành của Bộ KH&CN.

Chế độ BCTK cơ sở về KH&CN phải đáp ứng yêu cầu thu thập được thông tin thống kê từ các đơn vị báo cáo thuộc đối tượng thực hiện chế độ báo cáo này. Các biểu mẫu phải được thiết kế để bao gồm không chỉ thông tin thống kê phục vụ tổng hợp thông tin cho các chỉ tiêu thống kê về KH&CN thuộc HTCTTK quốc gia (ban hành kèm theo Quyết định 43/2010/QĐ-TTg) mà còn cả các chỉ tiêu thống kê KH&CN ban hành kèm theo Thông tư 05/2009/TT-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

Lược đồ triển khai thực hiện Chế độ BCTK cơ sở và tổng hợp về KH&CN được trình bày trong Hình 1.

Nghiên cứu - Trao đổi



Hình 1. Lược đồ báo cáo thống kê về KH&CN

Thực hiện Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/08/2008 của Thủ tướng chính phủ về ban hành chế độ BCTK tổng hợp áp dụng cho Bộ, ngành, và chuẩn bị triển khai thu thập thông tin thống kê qua chế độ báo cáo định kỳ, ngày 02/7/2010, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 05/2010/TT-BKH&CN quy định Chế độ BCTK cơ sở về KH&CN.

Chế độ BCTK cơ sở về KH&CN bao gồm: đối tượng thực hiện báo cáo thống kê, phạm vi báo cáo, nội dung báo cáo, biểu mẫu, trách nhiệm của đơn vị báo cáo, nơi nhận báo cáo, kỳ hạn báo cáo, thời hạn báo cáo và trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo.

BCTK cơ sở về KH&CN là loại báo cáo do đối tượng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở lập từ số liệu ghi chép chính thức theo hệ thống biểu mẫu thống nhất và báo cáo cho cơ quan nhận báo cáo.

Phạm vi báo cáo, là số liệu thống kê thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN, gồm: hoạt động KH&CN, phát

triển tiềm lực KH&CN (tổ chức, nhân lực, tài chính, hợp tác quốc tế), sở hữu công nghiệp.

Đối tượng thực hiện báo cáo là cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc một trong những loại hình sau:

a) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm:

- Các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN thuộc Bộ KH&CN; các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ KH&CN;

- Các sở KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các đơn vị sự nghiệp thuộc sở KH&CN; các phòng KH&CN tại quận, huyện;

- Các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập khác có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động KH&CN.

b) Các tổ chức KH&CN của Nhà nước được quy định tại Điều 9, Luật KH&CN, ngày 09/6/2000, bao gồm:

Nghiên cứu - Trao đổi

- Các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi chung là tổ chức nghiên cứu và phát triển);

- Các trường đại học, học viện, trường cao đẳng (sau đây gọi chung là trường đại học);

- Các tổ chức dịch vụ KH&CN.

c) Các tập đoàn, tổng công ty, công ty, doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động KH&CN.

d) Doanh nghiệp KH&CN; các doanh nghiệp khác có sử dụng ngân sách nhà nước để hoạt động KH&CN.

đ) Các tổ chức: chính trị, chính trị-xã hội, chính trị-xã hội-nghề nghiệp, xã hội, xã hội-nghề nghiệp và các đơn vị trực thuộc có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn được coi là ngân sách nhà nước để hoạt động KH&CN.

Nội dung báo cáo thống kê cơ sở về KH&CN:

- *Thông tin chung về đơn vị báo cáo:* tên đơn vị (bao gồm cả tên giao dịch và tên tiếng Anh (nếu có)), địa chỉ và phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, email, website), năm thành lập, cấp quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ/ngành chủ quản hoặc tỉnh/thành phố chủ quản, loại hình của đơn vị/tổ chức, hình thức sở hữu (loại hình kinh tế), lĩnh vực nghiên cứu chính của tổ chức, thông tin về số liệu trong các biểu, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN (số, ngày và nơi cấp).

- *Số lao động của đơn vị báo cáo:* số lao động có vào cuối kỳ báo cáo; số lao động nữ; số lao động trong biên chế; số lao động hợp đồng; số người có trình độ cao đẳng/đại học trở lên theo loại hình

hoạt động, lĩnh vực đào tạo.

- *Số viên chức KH&CN của đơn vị báo cáo:* số lượng viên chức KH&CN chia theo giới tính, trình độ, chức danh giáo sư, phó giáo sư, dân tộc, độ tuổi.

- *Chi hoạt động KH&CN của đơn vị báo cáo:* tổng chi, chia theo loại chi và nguồn chi.

- *Số đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:* số đề tài/dự án nghiên cứu và phát triển chia theo tình trạng thực hiện, cấp quản lý đề tài/dự án, lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu kinh tế-xã hội và giới tính của chủ nhiệm đề tài.

- *Hợp tác quốc tế trong hoạt động KH&CN:* số đề tài/dự án quốc tế về KH&CN mà đơn vị tham gia; số đoàn và số lượt người ra nước ngoài về KH&CN; số đoàn và số lượt người vào nghiên cứu, khảo sát về KH&CN tại Việt Nam; số lượt người của đơn vị tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; số người tham gia đề tài/dự án quốc tế về KH&CN; số người được cử làm việc tại tổ chức quốc tế liên quan đến KH&CN.

- *Sở hữu công nghiệp (SHCN):* số đơn đăng ký quyền SHCN; số văn bằng bảo hộ quyền SHCN được cấp, chia theo loại hình văn bằng; số hợp đồng chuyển giao quyền SHCN, chia theo: hợp đồng chuyển nhượng quyền SHCN, hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN, giá trị mua bán quyền SHCN.

- *Giải thưởng KH&CN:* số giải thưởng về KH&CN được nhận, chia theo loại giải thưởng: Giải thưởng trong nước, Giải thưởng quốc tế về KH&CN; số người được nhận giải thưởng chia theo lĩnh vực KH&CN.

Những nội dung trên được thể hiện trong các biểu mẫu báo cáo kèm theo Thông tư (Bảng 1).

Nghiên cứu - Trao đổi

Bảng 1. Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở về KH&CN

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ hạn báo cáo	Ngày gửi báo cáo
1	01CS-KHCN	Thông tin chung về đơn vị báo cáo	năm	28/2 năm sau
2	02CS-KHCN	Số lao động của đơn vị báo cáo	năm	28/2 năm sau
3	03CS-KHCN	Số viên chức KH&CN của đơn vị báo cáo	năm	28/2 năm sau
4	04CS-KHCN	Chi hoạt động của đơn vị báo cáo	năm	28/2 năm sau
5	05CS-KHCN	Số đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	năm	28/2 năm sau
6	06CS-KHCN	Hợp tác quốc tế trong hoạt động KH&CN	năm	28/2 năm sau
7	07CS-KHCN	Sở hữu công nghiệp	năm	28/2 năm sau
8	08CS-KHCN	Giải thưởng KH&CN	năm	28/2 năm sau

Các đơn vị báo cáo thuộc sự quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào thì gửi báo cáo về Sở KH&CN của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

Các đơn vị báo cáo không thuộc quy định trên gửi báo cáo về:

a) Cục Thông tin KH&CN Quốc gia thuộc Bộ KH&CN;

b) Cơ quan chủ quản của đơn vị báo cáo.

Kỳ hạn báo cáo và thời hạn gửi báo cáo: kỳ hạn báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. Các đơn vị báo cáo phải gửi báo cáo cho đơn vị nhận báo cáo chậm nhất là ngày 28/02 năm kế tiếp của năm báo cáo theo dấu bưu điện.

2.3.2. Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về KH&CN (Thông tư 23/2011/TT-BKHHCN ngày 22/9/2011)

Chế độ BCTK tổng hợp về KH&CN là một kênh vô cùng quan trọng và không thể thiếu trong hoạt động thống kê KH&CN, đảm bảo thu thập thông tin thống kê KH&CN chủ yếu, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác điều hành và quản lý chuyên ngành của Bộ KH&CN và các địa phương.

Chế độ BCTK tổng hợp về KH&CN bao gồm: đối tượng thực hiện báo cáo thống kê, nội dung báo cáo, biểu mẫu, trách nhiệm

của đơn vị báo cáo, nơi nhận báo cáo, kỳ hạn báo cáo, thời hạn báo cáo và trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo.

Chế độ BCTK tổng hợp về KH&CN đảm bảo tính thống nhất, nhất quán với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan như Thông tư số 05/2010/TT-BKHHCN ngày 02/7/2010, Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ BCTK tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành.

Theo Thông tư 05/2010/TT-BKHHCN về chế độ BCTK cơ sở về KH&CN, những đơn vị báo cáo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sẽ gửi báo cáo về sở KH&CN. Vì vậy, nếu không có chế độ BCTK tổng hợp thì không thể tổng hợp số liệu gửi Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, nơi điền số liệu vào biểu mẫu tổng hợp gửi Tổng cục Thống kê (theo Quy định về Chế độ BCTK tổng hợp áp dụng cho Bộ, ngành ban hành kèm theo Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg).

BCTK tổng hợp về KH&CN là loại báo cáo được sở KH&CN tổng hợp theo hệ thống biểu mẫu thống nhất từ các BCTK cơ sở về KH&CN được gửi về sở KH&CN theo quy định của Thông tư 05/2010/TT-BKHHCN ngày 02/7/2010 của Bộ trưởng Bộ KH&CN và từ hồ sơ

Nghiên cứu - Trao đổi

hành chính của Sở KH&CN.

Đối tượng thực hiện BCTK tổng hợp về KH&CN (sau đây gọi chung là đơn vị báo cáo) là Sở KH&CN thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội dung báo cáo bao gồm:

- a) Số tổ chức trong lĩnh vực KH&CN.
- b) Lao động trong lĩnh vực KH&CN.
- c) Số viên chức KH&CN.
- d) Giá trị tài sản cố định và vốn lưu động.
- đ) Chi cho hoạt động KH&CN.
- e) Số đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- g) Số đề tài/dự án thực hiện đăng ký/giao nộp kết quả nghiên cứu theo Quyết định 03/2007/QĐ-BKHCN.
- h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.

i) Giải thưởng KH&CN.

k) Đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ.

l) Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

m) An toàn bức xạ và hạt nhân.

n) Thanh tra KH&CN.

o) Doanh nghiệp KH&CN.

Kỳ hạn báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo. Các sở KH&CN phải gửi báo cáo đến Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, Bộ KH&CN, chậm nhất là ngày 10/3 năm kế tiếp của năm báo cáo theo dấu bưu điện.

Nội dung báo cáo được thể hiện trong các biểu mẫu báo cáo (Bảng 2) theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục II của Thông tư kèm theo.

Bảng 2. Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê tổng hợp về KH&CN

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ hạn báo cáo	Ngày gửi báo cáo
1	01TKTH-KHCN-ĐP	Số tổ chức hoạt động KH&CN	năm	10/3 năm sau
2	02TKTH-KHCN-ĐP	Lao động trong lĩnh vực KH&CN	năm	10/3 năm sau
3	03TKTH-KHCN-ĐP	Số viên chức KH&CN	năm	10/3 năm sau
4	04TKTH-KHCN-ĐP	Giá trị tài sản cố định và vốn lưu động	năm	10/3 năm sau
5	05TKTH-KHCN-ĐP	Chi cho KH&CN	năm	10/3 năm sau
6	06TKTH-KHCN-ĐP	Số đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	năm	10/3 năm sau
7	07TKTH-KHCN-ĐP	Số đề tài/dự án thực hiện đăng ký/giao nộp kết quả nghiên cứu theo Quyết định 03/2006/QĐ-BKHCN	năm	10/3 năm sau
8	08TKTH-KHCN-ĐP	Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ	năm	10/3 năm sau
9	09TKTH-KHCN-ĐP	Giải thưởng khoa học và công nghệ	năm	10/3 năm sau
10	10TKTH-KHCN-ĐP	Đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ	năm	10/3 năm sau
11	11TKTH-KHCN-ĐP	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	năm	10/3 năm sau
12	12TKTH-KHCN-ĐP	An toàn bức xạ và hạt nhân	năm	10/3 năm sau
13	13TKTH-KHCN-ĐP	Thanh tra khoa học và công nghệ	năm	10/3 năm sau
14	14TKTH-KHCN-ĐP	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ	năm	10/3 năm sau

2.4. Văn bản quy phạm pháp luật về các chương trình điều tra thống kê KH&CN

Điều tra thống kê KH&CN là một kênh thu thập thông tin thống kê KH&CN được áp dụng rộng rãi trên thế giới (Điều tra nghiên cứu và phát triển; điều tra đổi mới; điều tra nhận thức KH&CN,...) [5,6,8,9,11,13]. Để triển khai thực hiện Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình điều tra thống kê quốc gia, chuẩn bị cho công tác thu thập thông tin thống kê qua kênh điều tra, Bộ KH&CN đang xây dựng chương trình điều tra thống kê KH&CN.

Ngày 30/3/2009, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BKHCN. Một số chỉ tiêu thống kê trong hệ thống chỉ tiêu nói trên không chỉ được thu thập thông qua chế độ báo cáo thống kê mà còn cần phải bổ sung thông qua điều tra thống kê.

Điều 12 Nghị định 30/2006/NĐ-CP ngày 29/3/2006 của Chính phủ đã quy định: “*Điều tra thống kê khoa học và công nghệ ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia được tiến hành trong các trường hợp sau:*

1. *Khi có nhu cầu đột xuất cần số liệu cho chương trình phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.*

2. *Thu thập thông tin về các chỉ tiêu chưa có trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phục vụ yêu cầu của các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp.”*

Chính phủ đã ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia (kèm theo Quyết định số 144/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó xác định hai cuộc điều tra thống kê quốc gia về KH&CN là: điều tra tiềm lực KH&CN (chu kỳ 10 năm) và điều tra nghiên cứu và phát triển (chu kỳ 2 năm).

Bộ trưởng Bộ KH&CN cũng xác định danh mục các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia (ban hành kèm theo Quyết định Số 1757/QĐ-BKHCN ngày 27/8/2009) trong đó xác định ba cuộc điều tra thống kê KH&CN: Điều tra đổi mới công nghệ, Điều tra về hội nhập quốc tế về KH&CN và Điều tra nhận thức công chúng về KH&CN.

Điều tra đổi mới công nghệ (vào các năm có tận cùng là 3, 6 và 9) nhằm thu thập thông tin về hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế tạo, sản xuất và sản xuất kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN, xây dựng chiến lược đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều tra về hội nhập quốc tế về KH&CN (vào các năm có tận cùng là 3, 6 và 9) nhằm thu thập thông tin về mức độ hội nhập quốc tế về KH&CN; xác định năng lực của cộng đồng KH&CN Việt Nam tham gia các hoạt động quốc tế; và xác định mức độ thâm nhập của quốc tế vào Việt Nam.

Điều tra nhận thức công chúng về KH&CN (vào các năm có tận cùng là 3 và 8) nhằm thu thập và phân tích dữ liệu

Nghiên cứu - Trao đổi

về nhận thức của công chúng, mối quan tâm đến KH&CN và sự hiểu biết của họ về KH&CN; xác định sự khác biệt của thái độ và hiểu biết về KH&CN của công chúng so với những nghiên cứu trước đây; hình thành những chiến lược mới và kế hoạch hành động để nâng cao và thúc đẩy mối quan tâm về KH&CN ở công chúng.

3. Tổ chức thống kê ngành KH&CN

Điểm d khoản 8 Điều 2 Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN đã ghi rõ Bộ KH&CN có nhiệm vụ *“quy định và hướng dẫn hoạt động thông tin, truyền thông, thư viện, thống kê khoa học và công nghệ và phát triển thị trường công nghệ; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho thông tin và thống kê khoa học và công nghệ, xây dựng CSDL về nhân lực và thành tựu khoa học và công nghệ”*.

Quyết định 2880/QĐ-BKH&CN ngày 17/12/2009 về việc thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia thuộc Bộ KH&CN đã nêu: Cục Thông tin KH&CN Quốc gia có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về thông tin, thư viện và thống kê KH&CN.

Quyết định số 116/QĐ-BKH&CN của Bộ KH&CN ngày 28/01/2010 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Cục Thông tin KH&CN Quốc gia đã quy định nhiệm vụ và quyền hạn liên quan đến

thống kê KH&CN gồm:

- Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ KH&CN: Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thống kê KH&CN; Dự thảo chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hằng năm, đề án xây dựng cơ sở hạ tầng cho thống kê KH&CN.

- Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thống kê KH&CN;

- Ban hành các văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ thuộc lĩnh vực thống kê KH&CN;

- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về thống kê KH&CN;

- Phối hợp thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính về hoạt động thống kê KH&CN;

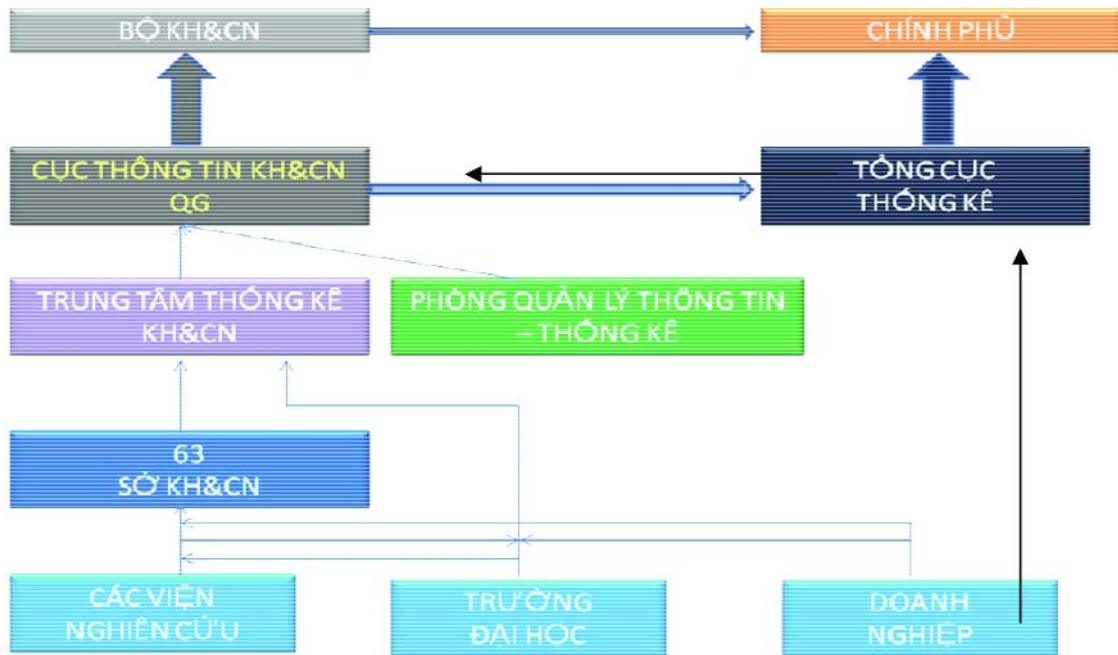
- Xây dựng CSDL quốc gia về KH&CN, CSDL thống kê KH&CN;

- Tổ chức và thực hiện công tác thống kê KH&CN;

- Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thống kê KH&CN.

Quan hệ nghiệp vụ và lược đồ thông tin thống kê KH&CN từ Trung ương đến địa phương được trình bày trong Hình 2.

Nghiên cứu - Trao đổi



Hình 2. Lược đồ thông tin thống kê KH&CN

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13/1/2010 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (thống kê Bộ, ngành). Thống kê Bộ, ngành thực hiện 14 nhiệm vụ sau: tham mưu giúp Bộ trưởng, thủ trưởng ngành xây dựng hệ thống thông tin thống kê của Bộ, ngành; xây dựng chương trình, dự án về thống kê và tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê của Bộ, ngành; xây dựng phương án điều tra thống kê, tổ chức thực hiện các cuộc điều tra theo phương án đã được phê duyệt. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Thống kê Bộ, ngành là tổ chức thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo, phổ biến và lưu trữ thông tin thống kê theo kế hoạch thông tin của Bộ, ngành, đáp ứng yêu cầu thông tin thống kê tổng hợp chung của Tổng cục Thống kê và nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, thống kê Bộ, ngành còn

thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác như: tham mưu giúp Bộ trưởng, thủ trưởng ngành thống nhất việc quản lý và công bố thông tin thống kê; biên soạn Báo cáo thống kê định kỳ; báo cáo phân tích thống kê chuyên đề và đột xuất; niên giám thống kê chuyên ngành và các sản phẩm thông tin thống kê khác,...

4. Kết luận

Từ 2006 đến nay, nhiều văn bản pháp quy đã được xây dựng và ban hành về thống kê KH&CN, như: các bảng phân loại thống kê KH&CN, hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN, chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và cơ sở về KH&CN, và chương trình điều tra thống kê về KH&CN. Hành lang pháp lý cho hoạt động thống kê KH&CN về cơ bản đã được hình thành và là cơ sở vững chắc cho việc triển khai thống kê KH&CN ở mọi cấp, mọi ngành trên toàn quốc một cách hệ thống. Tuy nhiên, với việc đưa vào ứng dụng trong thực tiễn trong thời gian tới, chắc chắn các văn bản pháp lý này sẽ còn

Nghiên cứu - Trao đổi

tiếp tục được cập nhật và điều chỉnh. Để có được số liệu thống kê đầy đủ, trung thực và khách quan về hoạt động KH&CN của nước ta cần có sự nhận thức đầy đủ và tuân thủ nghiêm túc hành lang pháp lý về hoạt

động thống kê KH&CN của các cơ quan quản lý KH&CN từ cấp Trung ương đến địa phương, từ các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đến bản thân các nhà nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Cao Minh Kiểm, Trần Thu Lan, Nguyễn Mạnh Quân. Báo cáo chuyên đề: Tìm hiểu phương pháp luận xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN. Báo cáo "Đề án Nghiên cứu khả thi xây dựng cơ sở dữ liệu theo yêu cầu của ASEAN". Hà Nội, 12/2001.
2. Cao Minh Kiểm. Thống kê KH&CN và những vấn đề đối với Việt Nam. Tạp chí Hoạt động Khoa học, số 7 (350)/2003. tr 7-10.
3. ESCAP. Development and utilization of S&T indicators: emerging issues in developing countries of the ESCAP region.
4. Lê Xuân Định, Cao Minh Kiểm, Tào Hương Lan, Nguyễn Minh Ngọc. Nghiên cứu chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê KH&CN chủ yếu của Việt Nam. Đề tài cấp Bộ KH&CN. 2010.
5. Lê Xuân Định, Cao Minh Kiểm, Đào Mạnh Thắng, Nguyễn Minh Ngọc. Báo cáo tiểu dự án "Xây dựng năng lực Điều tra thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới – sáng tạo ở Việt Nam", Dự án Đối tác Đổi mới Sáng tạo Việt Nam – Phần Lan (IPP), 2011.
6. MASTIC, Ministry of Science, Technology and Environment. 1998 National Survey of Research and Development. December, 1999.
7. MASTIC. Malaysian Research and Development Classification System. Third Edition. December, 2002.
8. MASTIC. Ministry of Science, Technology and Environment. National Survey of Innovation 1997-1999. MASTIC, 2001.
9. MASTIC. Ministry of Science, Technology and Environment. The Public awareness of Science and Technology Malaysia 2000. MASTIC, 2001.
10. Phan Huy Quế. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để triển khai hoạt động thống kê KH&CN theo Nghị định số 30/2006/NĐ-CP. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 2008.
11. OECD. Proposed standard practice for survey of research and development - Frascati manual. Paris, 2002.
12. OECD. Using patent data as S&T indicators - patent manual. 1994.
13. OECD/Eurostat (2005), Guidelines for Collecting and Interpreting Innovation Data – Oslo Manual, OECD, Paris.
14. Shodjai F. 1996. Science and technology indicators and a catalog of major S&T indicators. http://www.shodjai.org/foad/st_ind.fm.html
15. Tăng Văn Khiên. Nghiên cứu xây dựng phương án điều tra tiềm lực KH&CN. Đề tài trọng điểm cấp Tổng cục. Cơ quan chủ trì: Tổng cục Thống kê. Hà Nội, 1997.
16. UNESCO. Manual for statistics on scientific and technological activities. ST.84/WS/12. Paris: UNESCO, 1984.
17. UNESCO Institute for Statistics. Immediate, medium and longer-term strategy in science and technology statistics: International Review of Science and Technology Statistics and Indicator. Montreal, 2003.
18. UNESCO, Background Paper: S&T statistics and indicators in developing countries: perspectives and challenges. (UIS/S&T/2BD1), Montreal, 2002.